

Số: 17/QĐ-ĐHSD

Hải Dương, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ
giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sao Đỏ;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ lần thứ IX nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Biên bản hội nghị cán bộ chủ chốt nhà trường ngày 08 tháng 01 năm 2016;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Ban hành kèm theo Quyết định này “**Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025**”.

Điều 2. Các đơn vị căn cứ chiến lược phát triển nhà trường để xây dựng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) trưởng đơn vị phòng, khoa, thủ trưởng các tổ chức đoàn thể căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (Đề báo cáo);
- Các đ/c Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHKT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhượng

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
GIAI ĐOẠN 2016-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**
(Kèm theo quyết định số: 17/QĐ-ĐHSD, ngày 11 tháng 01 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

PHẦN I

MỞ ĐẦU

Tên trường: Trường Đại học Sao Đỏ

Tên giao dịch quốc tế: Sao Do University (Viết tắt: SDU)

Cơ sở 1: Số 24, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Cơ sở 2: Km 78, QL 37, phường Thái Học, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.882.269; Fax: 03203.882.921;

Website: <http://saodo.edu.vn>

1. Tổng quan về Trường Đại học Sao Đỏ

Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập theo quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ.

Trải qua 47 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Trường Đại học Sao Đỏ ngày càng khẳng định vai trò và vị thế của mình đối với sự phát triển của đất nước và đạt được những thành tích rất đáng tự hào: Đào tạo và cung cấp trên 100 ngàn kỹ sư, cử nhân, thợ cả, giáo viên dạy nghề, kỹ thuật viên có phẩm chất đạo đức, có tri thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nhiều cựu học sinh, sinh viên của trường hiện nay đang nắm giữ các cương vị chủ chốt trong các cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam.

Ghi nhận những thành tích và cống hiến của Nhà trường với sự nghiệp phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng Nhà trường 26 Huân chương các loại, trong đó có 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất; 01 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba. Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Công an, UBND tỉnh Hải Dương tặng nhiều Cờ, Bằng khen; Ủy ban nhân dân Tỉnh công nhận danh hiệu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa... và nhiều phần thưởng cao quý khác như: Cúp vàng ISO, Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam" của VIFOTEC, Giải thưởng chất lượng Châu Á về các lĩnh vực: Quản lý chất lượng, quản lý nguồn nhân lực và trách nhiệm xã hội.

Nhà trường đã tích cực mở rộng quy mô, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đào tạo đa ngành. Hiện nay, nhà trường đã và đang tổ chức triển khai đào tạo nhiều ngành, chuyên ngành ở các bậc học: Cao học, Đại học, Cao đẳng... nhằm đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của người học và thị trường lao động toàn xã hội.

2. Các căn cứ xây dựng kế hoạch chiến lược

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội khoá XI;

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội khoá XIII;

- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ trường Đại học;

- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020;

- Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học;

- Quyết định số 3222/QĐ-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ lần thứ IX nhiệm kỳ 2015 -2020;

3. Mục đích xây dựng kế hoạch chiến lược

Làm căn cứ để nhà trường hoạch định các mục tiêu, các hành động và hệ thống giải pháp để đạt được các mục tiêu đã định trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

4. Quá trình xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược của Trường

Quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Sao Đỏ gồm các hoạt động chính sau:

- Phân tích chiến lược tác động môi trường bên trong, bên ngoài và các dự báo thống kê nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định định hướng phát triển chiến lược của Trường trong trung và dài hạn phục vụ tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

- Xác định chiến lược gồm mục tiêu chiến lược, giải pháp chiến lược, kết quả dự kiến.

- Lấy ý kiến, đánh giá và điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược, hoàn thiện văn bản kế hoạch chiến lược và ban hành.

5. Giá trị sử dụng của văn bản kế hoạch chiến lược

- Làm định hướng chiến lược phát triển trong tương lai, là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của trường, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cho các giai đoạn ngắn hạn (từng năm) và trung hạn;

- Làm cơ sở cho việc đổi mới tư duy trong quản lý và lãnh đạo của các cấp quản lý thuộc trường;

- Làm cơ sở để giám sát, tổng kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh các mặt hoạt động của trường. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch dự phòng nhằm ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai;

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của trường;

- Xây dựng nhóm thực hiện có năng lực phù hợp và tính chuyên nghiệp cao;

- Xây dựng và nâng cao tinh thần hợp tác với các đối tác bên ngoài.

PHẦN II

PHÂN TÍCH BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Sự phát triển kinh tế ở Đông Á và Đông nam Á cho thấy quan hệ mật thiết giữa phát triển và giáo dục đại học. Cho dù trong các nước và vùng lãnh thổ thịnh vượng nhất ở khu vực - Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và gần đây là Trung Quốc - mỗi nước đều đi theo những con đường phát triển độc đáo, nhưng điểm chung trong thành công của họ là sự theo đuổi nhất quán một nền khoa học và giáo dục đại học chất lượng cao, bám sát nền giáo dục hiện đại tiên tiến nhất thế giới.

Giáo dục đại học thế giới đã và đang tiếp tục có những thay đổi cơ bản. Đó là xu thế chuyển từ đại học tinh hoa dành cho số ít sang đại học đại chúng dành cho đông đảo dân chúng.

Đội ngũ giảng dạy đại học được chấp nhận theo tiêu chuẩn quốc tế gồm:

1. Công trình khảo cứu khoa học đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế có chỉ số ISI (với các nhóm SCI, SCIE, SSCI và AHCI);
2. Số lần trích dẫn các công trình khoa học bởi đồng nghiệp khắp thế giới;
3. Sách giáo trình cao học phát hành bởi các nhà xuất bản uy tín;
4. Báo cáo trong hội nghị quốc tế và sự giao lưu thường xuyên với các cơ quan giảng dạy - nghiên cứu trên thế giới;
5. Sự nghiệp đào tạo các nghiên cứu sinh và tiến sĩ;
6. Đối với các ngành khoa học ứng dụng, văn bằng sáng chế và cộng tác với các công ty kỹ nghệ mang lợi nhuận cho cơ quan.

2. Bối cảnh trong nước

Đề án quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 có mục tiêu phấn đấu đạt 300 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2015 và năm 2015 có 70% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ trở lên, trên 50% giảng viên đại học có trình độ Tiến sĩ. Cơ cấu số lượng sinh viên đào tạo theo nhóm các ngành, nghề được điều chỉnh để đến năm 2020 đạt tỷ lệ như sau: Khoa học cơ bản 9%; Sư phạm 12%; Công nghệ - Kỹ thuật 35%; Nông - Lâm - Ngư 9%; Y tế 6%; Kinh tế - Luật 20%; và các ngành khác 9%.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2011-2020 đã khẳng định phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. Chiến lược cũng đã xác định rõ một trong ba đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ

hội và thuận lợi to lớn, đồng thời cũng phát sinh nhiều thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định "Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt" và "Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam". Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2011-2020 đã định hướng: "Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược". Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 nhằm quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của đất nước.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược 2011-2015

3.1. Tuyển sinh

Nhà trường đã tích cực đổi mới công tác tuyển sinh, tận dụng mọi nguồn lực để đa dạng hóa các hình thức tuyển sinh. Tổ chức tốt quá trình thi tuyển sinh, xét tuyển hàng năm đúng quy chế.

Kết quả tuyển sinh 05 năm (2011-2015) là 13.288 HSSV, trong đó Hệ đại học đã tuyển 8.809 sinh viên. Bình quân mỗi năm tuyển được 2.658 HSSV.

Kết quả tuyển sinh hàng năm cụ thể như sau:

TT	Tổng số	Năm				
		2011	2012	2013	2014	2015
I	Tổng số	3.292 sv	2.883 sv	2.490 sv	2.073sv	1.007 sv
II	Phân theo hệ					
1	Đại học	1.393 sv	1.568 sv	1.840 sv	1.808 sv	858 sv
2	Cao đẳng	1.121 sv	926 sv	500 sv	108 sv	97 sv
3	Trung cấp chuyên nghiệp	778 hs	389 hs	150 hs	157 hs	52hs

Đại học chính quy từ 2011 - 2015

TT	Ngành	Số				
		2011	2012	2013	2014	2015
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	66	95	424	384	225
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	48	38	151	116	79
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	17	25	91	154	73
4	CN KT điện tử, truyền thông	33	29	70	45	26
5	Công nghệ thông tin	25	13	73	65	27
6	Công nghệ May		26	143	168	85
7	Công nghệ thực phẩm	29	35	110	69	7
8	Công nghệ kỹ thuật hóa học	20	18	28	6	
9	Kế toán	198	159	138	64	47
10	Quản trị kinh doanh	60	77	75	35	18

TT	Ngành	Số				
		2011	2012	2013	2014	2015
11	Tài chính - Ngân hàng	41	19	23	6	
12	Việt Nam học		40	39	17	8
13	Ngôn ngữ Anh		17	26	11	12
14	Ngôn ngữ Trung Quốc		22	36	9	20
15	Kỹ thuật tàu thủy					
16	Công nghệ kỹ thuật xây dựng			18	11	
17	CN KT công trình xây dựng				9	
Tổng cộng:		537	613	1445	1169	627

Cao đẳng chính quy từ 2011 - 2015

TT	Ngành	Số				
		2011	2012	2013	2014	2015
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	120	230	158	54	63
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	87	84	54	13	20
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	69	74	61	10	8
4	CN KT điện tử, truyền thông	129	65	19		
5	Công nghệ thông tin	32	26	21		
6	Công nghệ May	44	60	52	13	7
7	Công nghệ thực phẩm	18	21	12		
8	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12	9			
9	Kế toán	245	102	23		
10	Quản trị kinh doanh	81	33	17		
11	Tài chính - Ngân hàng	42	21			
12	Việt Nam học		27	6		
13	Công nghệ hàn					
14	Công nghệ da giày					
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt					
16	Công nghệ KT cơ điện tử	52	26	6		
Tổng cộng:		931	778	429	90	98

Kết quả tuyển sinh không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, nguyên nhân: Những năm gần đây nhiều trường Đại học thành lập mới theo chủ trương của Nhà nước, dẫn đến thị trường đào tạo bị phân khúc; xu thế người học chọn lựa các trường ở thành phố lớn; trường có tên tuổi trong đào tạo đại học...

3.2. Đào tạo

Tích cực xây dựng đề án mở ngành đào tạo Thạc sĩ, đến nay đang hoàn thiện hồ sơ báo cáo Bộ Giáo dục & Đào tạo mở ngành đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điện, Điện tử. Thực hiện có hiệu quả chủ trương đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Tích cực đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học hiện đại, tiên tiến. Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, phát huy vai trò trách nhiệm của đơn vị và cá nhân trong công tác chuyên môn. Đề cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm trong công tác quản lý giáo dục HSSV. Kết quả đào tạo trung bình trong các năm học như sau:

- Tỷ lệ học tiếp 99,6%, trong đó: học tập Xuất sắc + Giỏi + Khá 57,7%.
- Kết quả rèn luyện trong các năm học bình quân như sau: Xuất sắc + Tốt +

Khá: > 85%; Yếu + Kém: < 1,5%, còn lại là Trung bình.

- Tỷ lệ tốt nghiệp 97,8%, trong đó xếp loại Xuất sắc + Giỏi + Khá 58,72%, Yếu 1,2% còn lại Trung bình và Trung bình khá.

Kết quả đào tạo hàng năm cụ thể như sau:

T T	Năm	Tốt nghiệp %		Kết quả xét điều kiện học tiếp %		Chất lượng đạo đức %		Số lượng học sinh giỏi môn học trong năm	Tỷ lệ học sinh có việc làm sau khi tốt nghiệp
		Toàn trường	X. sắc + Giỏi + Khá	Toàn trường	X. sắc + Giỏi + Khá	X. sắc + Tốt + Khá	Yếu + Kém		
1	2011	96,9	32,9	99,2	49,8	80,4	0,53	1.313 sv	60%
2	2012	97,0	53,8	98,9	50,1	84,4	0,11	1.393 sv	62%
3	2013	96,9	46,7	99,8	50,6	88,9	0,04	1.897 sv	65%
4	2014	98,0	79,2	100,0	59,8	89,7	0,63	1.184 sv	70%
5	2015	100,0	81,0	100,0	78,1	79,2	0,45	619 sv	75%

Năm 2014 và năm 2015 sinh viên Đại học khóa 1 và khóa Đại học khoá 2 hệ chính quy ra trường. Tỷ lệ tốt nghiệp 98,2%, trong đó xếp loại xuất sắc + Giỏi 15,6%, Khá 66,1%, Yếu 1,8% còn lại Trung bình và Trung bình khá; Sinh viên các khóa các hệ sau khi tốt nghiệp ra trường sau 6 tháng có việc làm đạt 60% đến 75%.

Trong 05 năm đã có 6.406 lượt HSSV giỏi cấp trường và 51 sinh viên đạt HSSV giỏi nghề cấp Bộ và cấp Quốc gia. Bình quân mỗi năm học có từ 1.000 đến 1.300 HSSV đạt danh hiệu HSSV giỏi môn học.

Chất lượng đào tạo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (2011-2015); Cụ thể: Kết quả xét điều kiện học tiếp từ 97 % đến 98%. Trong đó Khá + Giỏi = 35 ÷ 37 %. Tốt nghiệp đạt 96 % đến 98 %. Trong đó Khá + Giỏi 50 ÷ 60 %. Rèn luyện đạo đức: Xuất sắc + Tốt + Khá > 85 %, Yếu + Kém < 1 %, còn lại là Trung bình.

3.3. Công tác nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn 2011 - 2016, trường Đại học Sao Đỏ đã tích cực xây dựng và đổi mới quy chế quản lý nhằm thúc đẩy hoạt động KHCN ngày càng phát triển. Quá trình xây dựng quy chế quản lý về hoạt động KHCN, Nhà trường luôn thực hiện đúng hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Với tầm nhìn, sự quan tâm và đầu tư phát triển nguồn nhân lực trong 5 năm qua, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý của Nhà trường đã có sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 2015, Nhà trường có tổng số 494 cán bộ, giảng viên. Trong đó, 329 giảng viên có trình độ Thạc sỹ, 15 giảng viên có trình độ Tiến sỹ, 14 giảng viên được Nhà nước phong tặng Danh hiệu Nhà giáo ưu tú. Đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tâm huyết với nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ kinh phí cho các tác giả thực hiện đề tài KHCN các cấp; hợp tác và hỗ trợ các nhóm tác giả tìm đầu ra nhằm thương mại hoá sản phẩm để đưa sản phẩm nghiên cứu khoa học vào cuộc sống và sản xuất.

Nhà trường đã xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng ngang hàng với công tác đào tạo, tổ chức tốt công tác nghiên cứu khoa học sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, gắn hoạt động giảng dạy với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội; Tổ chức Hội thảo khoa học “Chất lượng đào tạo trường Đại học Sao Đỏ - Thực trạng và giải pháp”; Hội thảo khoa học “Đổi mới phương pháp dạy Đại học, Cao đẳng” và Hội Thảo khoa học “Câu lạc bộ khoa học các trường Đại học với sự phát triển của tỉnh Hải Dương” đạt kết quả tốt... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu khoa học.

Trong 5 năm đã tổ chức nghiên cứu 06 đề tài cấp Bộ với tổng giá trị 770,0 triệu đồng, 128 bài báo khoa học được đăng trên các báo và tạp chí khoa học trong & ngoài nước, 144 đề tài cấp cơ sở của viên chức, 01 đề tài khoa học của sinh viên. Tổ chức cho sinh viên thực hiện 57 đề tài tốt nghiệp; 461 sáng kiến được công nhận và khen thưởng.

Sinh viên tham gia câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ, đã tích cực tham gia nghiên cứu chế tạo robocon, robot Techshow. Hội thi sáng tạo Rôbốt đã trở thành sân chơi bổ ích cho sinh viên, robot Techshow vớt rác đạt giải Ba hội thi toàn quốc.

3.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên

Nhà trường triển khai kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên học tập nâng cao trình độ. Đến nay, 100% giảng viên giảng dạy Đại học có trình độ Thạc sỹ, 12,6% có trình độ tiến sỹ (kể cả giảng viên thỉnh giảng); 42 giảng viên đang làm NCS trong và ngoài nước.

Hàng năm có từ 120-140 giảng viên đạt danh hiệu GVDG cấp cơ sở. Trong 5 năm từ 2011-2015 đã có 18 thầy cô đạt danh hiệu GVDG cấp Tỉnh, 02 thầy cô đạt danh hiệu GVDG toàn quốc. Tổ chức 131 lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới cho 1.365 lượt giảng viên. Tổ chức nhiều đoàn tham quan học tập những cơ sở điển hình, tiên tiến...

So với kế hoạch 05 năm 2011-2015 hoàn thành vượt chỉ tiêu. Cụ thể: 100% giảng viên dạy đại học có trình độ Thạc sỹ, 120 Giảng viên đạt dạy giỏi cấp cơ sở, 6 giảng viên bảo vệ thành công Luận án Tiến sỹ.

3.5. Công tác thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng

a. Công tác khảo thí.

Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng từ năm 2010, khi trường được nâng cấp thành trường đại học. Công tác này đã có bộ phận chuyên trách đảm nhận. Phòng đã ban hành nhiều quy định để làm cơ sở pháp lý triển khai các nhiệm vụ có hiệu quả, nhiều học phần đã được tổ chức thi tập trung bằng hình thức trắc nghiệm khách quan trên máy tính.

b. Công tác đảm bảo chất lượng

Năm 2010 nhà trường đang triển khai hoạt động tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; hoàn thành báo cáo Tự đánh giá gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2011. Tuy nhiên thời điểm để đánh giá lúc đó số liệu của trường cao đẳng vì năm 2010 trường mới được nâng cấp thành trường đại học.

3.6. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.

a. Xây dựng cơ bản

- Tại cơ sở 1: Hoàn thành việc cải tạo, xây dựng giảng đường đa năng với tổng mức đầu tư 10,626 tỷ đồng.

- Tại cơ sở 2: Năm 2011, Trường kết thúc dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 (giai đoạn 1) theo Quyết định số 749/QĐ-BCN, ngày 29/3/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Kết quả đã thực hiện cụ thể như sau:

+ Hoàn thành xây dựng 2.051 mét kê đá chạy bao quanh mặt bằng và san lấp 20,1 ha diện tích mặt bằng phục vụ cho thi công các công trình.

+ Hoàn thành xây dựng 02 Nhà học lý thuyết 5 tầng.

+ Hoàn thành xây dựng 01 Nhà xưởng thực hành 3 tầng.

+ Hoàn thành xây dựng Hệ thống kỹ thuật hạ tầng (giai đoạn 1) gồm: Cổng, tường rào; hệ thống cấp nước, thoát nước; Hệ thống cấp điện. Hệ thống kỹ thuật hạ tầng được thực hiện trên diện tích $\frac{1}{4}$ tổng diện tích mặt bằng. Từ tháng 5 năm 2014, Trường Đại học đã từng bước đưa sinh viên đến học tập tại cơ sở II.

- Năm 2015, Trường được Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương đầu tư 03 Dự án tại cơ sở 1 và cơ sở 2 với tổng mức đầu tư 112,688 tỷ đồng trong đó ngân sách nhà nước cấp 100.064 tỷ.

b. Mua sắm thiết bị.

Hàng năm đầu tư từ 3 ÷ 5 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị hiện đại, tiên tiến cho các khoa như: Máy Tiện CNC, máy cắt Plasma, máy cắt dây; Thiết bị phòng thí nghiệm Thực phẩm & Hoá học, thiết bị phòng thực hành thực nghiệm cho ngành Điện, Cơ khí, Ôtô, Điện tử, phòng thực hành Kế toán, Tài chính ngân hàng, thiết bị phòng học ngoại ngữ... với tổng số tiền 23,78 tỷ đồng, trong đó Bộ cấp 14,02 tỷ đồng, số tiền còn lại trường chi từ nguồn kinh phí tự cân đối.

3.7. Công tác quản lý

Trường đã lãnh đạo và thực hiện quản lý theo tiêu chuẩn QMS ISO 9001:2008, góp phần nâng cao năng lực, tổ chức điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên mọi lĩnh vực công tác. Thực hiện quản lý quá trình đào tạo theo 6 phân hệ phần mềm, số hóa các thủ tục quy trình, nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành các hoạt động.

Hiệu chỉnh và ban hành các quy chế nội bộ như: Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý hoạt động đào tạo, quy chế học lại, thi lại; Quy chế cho thôi việc của CNVC, quy chế xét nâng lương...

Công tác quản lý tài chính được thực hiện đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, mọi hoạt động thu chi đều đảm bảo công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư. Các quy định nội bộ định kỳ được bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Duy trì nề nếp giao ban quản lý, giao ban đào tạo, giao ban an ninh, phân tích chất lượng hàng tháng của các khoa, phòng và xếp loại thi đua cho viên chức.

Thực hiện thanh tra môn học, kiểm tra công tác hành chính giáo vụ.

3.8. Công tác tài chính

Thông kê thu chi tài chính 2011-2015:

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

TT	NỘI DUNG	2011	2012	2013	2014	2015
I	Tổng thu:	64.328	48.545	61.875	79.285	60.086
1	Thu từ NSNN:	24.743	16.500	18.510	17.930	18.760
	Nguồn kinh phí tự chủ	10.153	12.000	13.300	13.300	13.300
	Nguồn kinh phí không tự chủ	4.390	4.500	5.210	4.630	5.460
	Nguồn kinh phí miễn giảm học phí				2.155	3.700
	Nguồn kinh phí XDCB	10.200				
2	Nguồn thu sự nghiệp:	39.585	32.045	43.365	61.355	41.326
	Thu học phí	38.606	31.605	42.059	44.860	34.431
	Thu lệ phí	599	308	930	424	55
	Thu khác	380	132	376	16.071	6.840
II	Tổng chi:	46.761	44.320	60.498	66.355	52.500
	Chi cho cá nhân	25.365	30.384	38.583	35.850	26.012
	Chi thường xuyên, nghiệp vụ chuyên môn	7.175	8.643	10.259	19.464	13.865
	Chi mua sắm sửa chữa	4.021	5.293	7.633	9.941	8.525
	Chi XDCB	10.200	0	4.023	1.100	4.098
C	Chênh lệch thu chi	17.567	4.225	1.377	12.930	7.586
	Chi lập các quỹ	17.567	4.225	1.377	12.930	7.586
	Trong đó Quỹ PTHĐSN	13.175	3.169	1.033	9.698	5.690

3.9. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CNVC và HSSV

Đảng bộ, Ban Giám hiệu đã có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho CNVC.

Duy trì nề nếp tổ chức tham quan du lịch cho CNVC vào các dịp hè, tết. Các ngày Lễ, Tết có quà cho CNVC. tổ chức thăm hỏi, động viên CNVC khi vui, khi buồn, hoặc ốm đau, hoạn nạn.

Mỗi năm dành kinh phí từ 1,5 ÷ 2,0 tỷ đồng để giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách và các quyền lợi của học sinh, sinh viên. Triển khai có hiệu quả các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao và đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ viên chức và người lao động, thực hiện tốt việc khám và điều trị tại trạm y tế. Thường xuyên tổ chức phòng ngừa dịch bệnh lây lan, phun thuốc diệt muỗi, vệ sinh tự quản làm sạch môi trường.